

Số: 260 /TB-SGDĐT

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GDĐT thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; Thông tư số 45/2026/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GDĐT thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội (khóa XV) về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 126/KH-SGDĐT ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Sở GDĐT tỉnh Vĩnh Long về việc tuyển dụng viên chức các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Sở GDĐT tỉnh Vĩnh Long thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể như sau:

I. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN

1. Tiêu chuẩn, điều kiện chung

a) Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên và trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật;
- Có phiếu đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;

- Có văn bằng, chứng chỉ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm dự tuyển;

- Có đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ, do cơ quan y tế có thẩm quyền trở lên chứng nhận (có giá trị trong vòng 12 tháng) và nộp khi Hội đồng tuyển dụng viên chức Thông báo hoàn thiện hồ sơ.

b) Những người không được đăng ký dự tuyển bao gồm:

- Người mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

- Người có tiền án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người theo quy định của Bộ Luật Hình sự.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể:

2.1. Giáo viên

a) Giáo viên mầm non

Hạng III: Theo điểm a khoản 3 Điều 3 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT; điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT cụ thể:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non trở lên;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;

- Có kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (được thể hiện qua các văn bằng, chứng chỉ hoặc các học phần trong bảng điểm đào tạo trình chuyên môn, nghiệp vụ).

b) Giáo viên tiểu học

* **Giáo viên tiểu học (giáo viên chủ nhiệm) hạng III:** Theo khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT; điểm a và điểm đ khoản 1 Điều 8; Điều 16 Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học, trừ trường hợp quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 8 Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học;

- Có kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (được thể hiện qua các văn bằng, chứng chỉ hoặc các học phần trong bảng điểm đào tạo trình chuyên môn, nghiệp vụ).

* **Giáo viên tiểu học (Tiếng Anh) hạng III:** Theo khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT; khoản 2, khoản 8 Điều 20 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP, cụ thể:

- Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo dạy môn Ngoại ngữ cấp tiểu học: có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tiếng Anh hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các ngành đào tạo phù hợp với môn Tiếng Anh và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên tiểu học.

- Sau khi được tuyển dụng, nhà giáo phải tham gia đào tạo đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo tương ứng với cấp tiểu học, trình độ đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Nhà giáo theo kế hoạch của địa phương và cơ sở giáo dục.

- Có kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (được thể hiện qua các văn bằng, chứng chỉ hoặc các học phần trong bảng điểm đào tạo trình chuyên môn, nghiệp vụ).

*** Giáo viên tiểu học (Tin học) hạng III:** Theo khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT; khoản 2, khoản 8 Điều 20 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP, cụ thể:

- Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo dạy môn Tin học và Công nghệ trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt: có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tin học hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các ngành đào tạo phù hợp với môn Tin học và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên tiểu học.

- Sau khi được tuyển dụng, nhà giáo phải tham gia đào tạo đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo tương ứng với cấp tiểu học, trình độ đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Nhà giáo theo kế hoạch của địa phương và cơ sở giáo dục.

- Có kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (được thể hiện qua các văn bằng, chứng chỉ hoặc các học phần trong bảng điểm đào tạo trình chuyên môn, nghiệp vụ).

*** Giáo viên tiểu học (Giáo dục thể chất) hạng III:** Theo khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT, Theo điểm b và điểm đ khoản 1 Điều 8 Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Giáo viên tiểu học giảng dạy môn Giáo dục thể chất phải có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học giảng dạy hoặc có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với cấp tiểu học;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

- Có kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (được thể hiện qua các văn bằng, chứng chỉ hoặc các học phần trong bảng điểm đào tạo trình chuyên môn, nghiệp vụ).

c) Giáo viên trung học cơ sở hạng III: Theo điểm a và điểm d khoản 1 Điều 11 Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học giảng dạy hoặc có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở; trừ trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở.

- Có kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (được thể hiện qua các văn bằng, chứng chỉ hoặc các học phần trong bảng điểm đào tạo trình chuyên môn, nghiệp vụ).

d) Giáo viên trung học phổ thông hạng III (kể cả giáo dục thường xuyên): Theo điểm a và điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo với môn học giảng dạy hoặc có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông; trừ trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông.

- Có kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (được thể hiện qua các văn bằng, chứng chỉ hoặc các học phần trong bảng điểm đào tạo trình chuyên môn, nghiệp vụ).

đ) Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III: Theo khoản 2 Điều 11 Thông tư số 07/2023/TT-BLĐTBXH, cụ thể:

- Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy;

- Có văn bằng, chứng chỉ đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

- Có kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (được thể hiện qua các văn bằng, chứng chỉ hoặc các học phần trong bảng điểm đào tạo trình chuyên môn, nghiệp vụ).

2.2. Nhân viên

a) Kế toán

*** Kế toán viên trung cấp (hạng IV):** Theo khoản 3 Điều 4 Thông tư số 66/2024/TT-BTC, cụ thể:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kế toán hoặc có chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập hoặc chứng chỉ kế toán viên theo quy định của Luật Kế toán hoặc chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận.

- Có kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (được thể hiện qua các văn bằng, chứng chỉ hoặc các học phần trong bảng điểm đào tạo trình chuyên môn, nghiệp vụ).

*** Kế toán viên (hạng III):** Theo khoản 3 Điều 5 Thông tư số 66/2024/TT-BTC, cụ thể:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kế toán hoặc có chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Luật kiểm toán độc lập hoặc chứng chỉ kế toán viên theo quy định của Luật kế toán hoặc chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận.

- Có kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (được thể hiện qua các văn bằng, chứng chỉ hoặc các học phần trong bảng điểm đào tạo trình chuyên môn, nghiệp vụ).

b) Thư viện

* ***Thư viện viên hạng IV:*** Theo khoản 2 Điều 7 Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL, cụ thể:

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện.

- Có kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (được thể hiện qua các văn bằng, chứng chỉ hoặc các học phần trong bảng điểm đào tạo trình chuyên môn, nghiệp vụ).

* ***Thư viện viên hạng III:*** Theo khoản 2 Điều 6 Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 15/2025/TT-BVHTTDL, cụ thể:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện.

- Có kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (được thể hiện qua các văn bằng, chứng chỉ hoặc các học phần trong bảng điểm đào tạo trình chuyên môn, nghiệp vụ).

c) Văn thư

* ***Văn thư viên trung cấp:***

- Theo khoản 4 Điều 12 Thông tư số 2/2021/TT-BNV, cụ thể: Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.

- Có kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (được thể hiện qua các văn bằng, chứng chỉ hoặc các học phần trong bảng điểm đào tạo trình chuyên môn, nghiệp vụ).

* ***Văn thư viên:***

- Theo khoản 4 Điều 11 Thông tư số 2/2021/TT-BNV được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 6/2022/TT-BNV, cụ thể: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học, lưu trữ học và quản trị văn phòng. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi

dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư-lưu trữ, lưu trữ.

- Có kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (được thể hiện qua các văn bằng, chứng chỉ hoặc các học phần trong bảng điểm đào tạo trình chuyên môn, nghiệp vụ).

d) Viên chức Giáo vụ: Theo khoản 3 Điều 3 Thông tư số 22/2022/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm giáo vụ);

- Hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giáo vụ theo quy định.

- Có kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (được thể hiện qua các văn bằng, chứng chỉ hoặc các học phần trong bảng điểm đào tạo trình chuyên môn, nghiệp vụ).

đ) Y sĩ hạng IV:

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp Y sĩ trở lên;

- Có giấy phép (chứng chỉ) hành nghề y sĩ hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y sĩ.

** Đối với nhân viên Thư viện, Kế toán: người được tuyển dụng sau khi hết thời gian tập sự phải bổ sung chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng để được bổ nhiệm hạng và xếp lương đúng theo quy định.*

II. HÌNH THỨC TUYỂN DỤNG, NỘI DUNG TUYỂN DỤNG, THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG, ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG, XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Hình thức tuyển dụng: Xét tuyển

2. Nội dung tuyển dụng

Xét tuyển viên chức, được thực hiện theo 02 vòng như sau:

2.1. Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

a) Điều kiện về ngoại ngữ đối với người dự tuyển giáo viên:

Hội đồng tuyển dụng kiểm tra việc đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo thông tin người dự tuyển kê khai tại Phiếu đăng ký dự tuyển. Sau khi trúng tuyển, người trúng tuyển nộp bản sao văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo quy định;

Trường hợp vị trí việc làm yêu cầu trình độ ngoại ngữ trong tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng và theo bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm thì cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng phải thông báo cụ thể yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số;

Trường hợp thuộc đối tượng được miễn phần thi ngoại ngữ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP được xác định là đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm¹;

b) Điều kiện về ngoại ngữ đối với vị trí nhân viên

Trường hợp vị trí việc làm yêu cầu trình độ ngoại ngữ trong tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng và theo bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm thì cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng thông báo cụ thể yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ. Nếu có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế². Nếu không có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp thì Hội đồng xét tuyển tổ chức thi để đánh giá năng lực ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng.

Hội đồng tuyển dụng kiểm tra việc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo thông tin người dự tuyển kê khai tại Phiếu đăng ký dự tuyển. Sau khi trúng tuyển, người trúng tuyển nộp bản sao văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP³.

¹ “d) Miễn phần thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển....

Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc đương nhiên được công nhận theo quy định của pháp luật...

Có bằng tốt nghiệp chuyên môn chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định có giá trị tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn về ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác tại vùng dân tộc thiểu số; là người dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác ở vùng dân tộc thiểu số.”

² “3. Trường hợp tổ chức thi ngoại ngữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ; nếu đạt kết quả thi được coi là đáp ứng tiêu chuẩn về ngoại ngữ.

Miễn phần thi ngoại ngữ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này đối với các trường hợp sau:

a) Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

b) Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc đương nhiên được công nhận theo quy định của pháp luật.

c) Có bằng tốt nghiệp chuyên môn chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định có giá trị tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn về ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

d) Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác tại vùng dân tộc thiểu số; là người dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác ở vùng dân tộc thiểu số.”

³ “1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, bao gồm:

a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

2.2. Vòng 2:

2.2.1. Dự tuyển vị trí viên chức giảng dạy (gọi tắt là giáo viên): được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP, cụ thể:

a) Hình thức: Vấn đáp

b) Nội dung vấn đáp: kiểm tra kiến thức, kỹ năng thực hành sư phạm theo yêu cầu của vị trí dự tuyển. Nội dung phải căn cứ vào chuẩn nghề nghiệp nhà giáo theo chức danh và phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Trong cùng một kỳ tuyển dụng, nếu các vị trí việc làm yêu cầu chuẩn nghề nghiệp khác nhau thì Hội đồng tuyển dụng nhà giáo phải tổ chức xây dựng các đề tuyển dụng vòng 2 khác nhau tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

c) Thời gian: 30 phút (thí sinh có không quá 15 phút chuẩn bị, không tính vào thời gian thi).

d) Thang điểm: 100 điểm.

2.2.2. Dự tuyển vị trí viên chức hỗ trợ phục vụ (gọi tắt là nhân viên): được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, cụ thể:

a) Hình thức: Vấn đáp

b) Nội dung vấn đáp:

Nội dung vấn đáp phải căn cứ vào nhiệm vụ, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức và phải phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Trong cùng một kỳ xét tuyển, nếu có các vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì Hội đồng phải tổ chức xây dựng các đề thi nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

c) Thời gian: 30 phút (chuẩn bị không quá 15 phút, vấn đáp 15 phút/thí sinh).

d) Thang điểm: 100 điểm.

2.2.3. Các công việc liên quan đến việc ra đề thi, chấm thi phải thực hiện bảo mật theo quy định của pháp luật.

2.2.4. Không thực hiện phúc khảo do hình thức xét tuyển vòng 2 là Vấn đáp.

3. Thẩm quyền tuyển dụng: Sở GDĐT thực hiện tuyển dụng giáo viên, nhân viên các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông phổ thông, giáo dục thường xuyên, trường trung cấp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

4. Ưu tiên trong tuyển dụng

4.1. Đối với giáo viên mầm non, phổ thông (kể cả GDTX):

a) Là người có thời gian làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục đúng vị trí việc làm cần tuyển dụng hoặc giảng dạy, giáo dục ở cấp học, trình độ đào tạo khác nhưng môn học, ngành học giảng dạy phù hợp với vị trí việc làm tuyển dụng từ đủ 03 năm (36 tháng)

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

b) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do cơ quan có thẩm quyền cấp.”.

trở lên, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật (nếu không liên tục và chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội 01 lần thì được cộng dồn);

b) Được cộng 05 điểm vào kết quả điểm vòng 2 kỳ xét tuyển dụng nhà giáo.

4.2. Đối với giáo viên giáo dục nghề nghiệp:

a) Là người có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 trở lên hoặc người có kinh nghiệm làm việc trong thực tế sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phù hợp với ngành, nghề giảng dạy từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật (nếu không liên tục và chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội 01 lần thì được cộng dồn);

b) Được cộng 05 điểm vào kết quả điểm vòng 2 kỳ xét tuyển dụng nhà giáo.

4.3. Đối tượng ưu tiên tuyển dụng khác theo quy định của pháp luật (đối với tuyển dụng giáo viên và nhân viên), bao gồm:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

d) Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân: Được cộng 1,5 điểm vào kết quả vòng 2.

4.4. Trường hợp người dự thi tuyển dụng giáo viên và nhân viên thuộc nhiều đối tượng ưu tiên khác nhau thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2 của kỳ thi tuyển dụng nhà giáo

5. Xác định người trúng tuyển

* Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm vấn đáp tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 4 phần II Thông báo này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu tuyển dụng của vị trí việc làm.

* Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại điểm b khoản 5 phần II Thông báo này bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm vấn đáp vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển. Trường hợp vẫn không xác định được thì Giám đốc Sở quyết định người trúng tuyển.

* Trường hợp đăng ký 02 nguyện vọng nhưng không trúng tuyển ở nguyện vọng 1 thì được xét ở nguyện vọng 2 nếu vị trí việc làm đăng ký ở nguyện vọng 2 vẫn còn chỉ

tiêu tuyển dụng sau khi đã xét hết nguyện vọng 1, bao gồm cả việc xét nguyện vọng của người có kết quả trúng tuyển thấp hơn liền kề theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP⁴.

Trường hợp có 02 người trở lên bằng điểm nhau ở nguyện vọng 2 thì người trúng tuyển được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Trường hợp vị trí việc làm vẫn còn chỉ tiêu tuyển dụng sau khi đã xét đủ 02 nguyện vọng thì căn cứ vào kết quả tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng báo cáo Giám đốc Sở quyết định tuyển dụng đối với người có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển ở vị trí việc làm tại đơn vị khác nhưng có cùng tiêu chuẩn, điều kiện với tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm tại đơn vị còn chỉ tiêu tuyển dụng, cùng Hội đồng tuyển dụng, cùng áp dụng hình thức vấn đáp (vòng 2) và chung bộ đề vấn đáp trong cùng vị trí việc làm. Người được tuyển dụng trong trường hợp này phải đáp ứng quy định tại điểm a khoản 5 phần II Thông báo này. Đối với các vị trí việc làm không có người đăng ký dự tuyển, Giám đốc Sở quyết định việc tuyển dụng theo quy định này.

6. Người không được tuyển dụng trong kỳ tuyển dụng viên chức quy định tại khoản 5 phần II Thông báo này không được bảo lưu kết quả tuyển dụng cho các kỳ tuyển dụng lần sau.

III. TRÌNH TỰ TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG

1. Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Hội đồng tuyển dụng lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển ở vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở GDĐT (<https://vinhlong.edu.vn>) và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở GDĐT (Địa chỉ: ấp Long Thới, xã Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long).

2. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì tiến hành tổ chức thi vòng 2.

Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 2 bằng hình thức vấn đáp.

IV. HOÀN THIỆN HỒ SƠ TUYỂN DỤNG

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến Sở GDĐT để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

⁴ “4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng và gửi thông báo tới những người dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề (theo thứ tự) so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển đã bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này hoặc khoản 3 Điều này để hoàn thiện hồ sơ, ra quyết định tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc. Hết thời hạn 30 ngày tại khoản này mà vẫn chưa tuyển đủ chỉ tiêu theo nguyện vọng 1 thì xét nguyện vọng 2 theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này”...

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

b) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Giám đốc Sở ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Sở thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Sở và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

V. KÝ KẾT HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC VÀ NHẬN VIỆC

1. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, Giám đốc Sở GDĐT ra quyết định tuyển dụng, đồng thời gửi quyết định tới người trúng tuyển theo địa chỉ đã đăng ký và đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức để biết, thực hiện việc ký hợp đồng làm việc với viên chức.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng viên chức phải đến đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức để ký hợp đồng làm việc và nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác hoặc được Sở GDĐT đồng ý gia hạn.

3. Trường hợp người được tuyển dụng viên chức không đến ký hợp đồng làm việc và nhận việc trong thời hạn quy định tại khoản 2 phần V Thông báo này thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức đề nghị Giám đốc Sở GDĐT hủy bỏ quyết định tuyển dụng.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 2 phần V Thông báo này, Giám đốc Sở GDĐT thông báo công khai trên trang thông tin điện tử và gửi thông báo tới những người dự tuyển có kết quả thấp hơn liền kề (theo thứ tự) so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển đã bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định tại khoản 2 phần IV hoặc khoản 3 phần V Thông báo này để hoàn thiện hồ sơ, ra quyết định tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc. Hết thời hạn 30 ngày mà vẫn chưa đủ tuyển chỉ tiêu theo nguyện vọng 1 thì xét nguyện vọng 2 theo quy định tại khoản 4 phần V Thông báo này.

Trường hợp ngay sau kỳ tuyển dụng mà phát sinh nhu cầu tuyển dụng mới đối với vị trí việc làm có yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện như vị trí việc làm mà người dự tuyển đã đăng ký thì trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày phê duyệt kế hoạch của kỳ tuyển dụng, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng xem xét, quyết định việc trúng tuyển đối với người dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng cho đến khi đủ nhu cầu tuyển dụng phát sinh.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển thấp hơn liền kề bằng nhau thì Giám đốc Sở GDĐT quyết định người trúng tuyển theo quy định tại khoản 5 phần II Thông báo này.

VI. SỐ LƯỢNG TUYỂN DỤNG

1. Số lượng cần tuyển dụng: 86

2. Các vị trí tuyển dụng:

2.1. Viên chức giảng dạy (gọi tắt là giáo viên): 66

a) Giáo viên mầm non hạng III (mã số: V.07.02.26): 28

b) Giáo viên tiểu học: 16, gồm:

TT	Vị trí việc làm/Môn	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng
1	Giáo viên tiểu học (Giáo viên chủ nhiệm)	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	8
2	Giáo viên tiểu học (Tiếng Anh)	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	02
3	Giáo viên tiểu học (Tin học)	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	01
4	Giáo viên tiểu học (Giáo dục thể chất)	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	05

c) Giáo viên trung học cơ sở hạng III: 10, gồm:

TT	Vị trí việc làm/Môn	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng
1	Lịch sử - Địa lý (môn Lịch sử)	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	01
2	Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	01
3	Khoa học tự nhiên (môn Vật lý)	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	01
4	Khoa học tự nhiên (môn Hóa học)	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	02
5	Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	02
6	Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	01
7	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	01
8	Tin học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	01

d) Giáo viên trung học phổ thông hạng III (kể cả giáo dục thường xuyên): 08, gồm:

TT	Vị trí việc làm/Môn	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng
----	---------------------	-----------------------	-------	----------

1	Tin học	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	01
2	Ngữ văn	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	04
3	Toán	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	01
4	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	02

đ) Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III: 04, gồm:

TT	Vị trí việc làm/Môn	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng
1	Giáo dục thể chất	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III	V.09.02.07	01
2	Tiếng Anh	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III	V.09.02.07	01
3	Kế toán (Quản trị kinh doanh)	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III	V.09.02.07	01
4	Điện công nghiệp	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III	V.09.02.07	01

2.2. Viên chức phục vụ giảng dạy (gọi tắt là nhân viên): 20

TT	Vị trí việc làm/Môn	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng
1	Kế toán	Kế toán viên trung cấp	V.06.032	04
		Kế toán viên	V.06.031	01
2	Thư viện thiết bị	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	01
3	Thư viện	Thư viện viên hạng III	V.10.02.06	03
4	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	01
		Văn thư viên	02.007	02
5	Giáo vụ	Viên chức giáo vụ	V.07.07.21	01
6	Nhân viên Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	07

(Đính kèm các đơn vị có nhu cầu viên chức và mô tả cụ thể vị trí việc làm)

VII. LỆ PHÍ

Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý, sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

Sau khi kết thúc thời gian tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, căn cứ vào số lượng hồ sơ dự tuyển, Sở GDĐT sẽ thông báo đến người đăng ký dự tuyển mức thu phí và thời gian đóng phí cụ thể theo quy định.

VIII. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Thời gian tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển

Từ ngày 16 tháng 6 năm 2026 đến 17 giờ ngày 15 tháng 7 năm 2026 (*trong giờ hành chính các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu*).

Người đăng ký dự tuyển nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức hoặc gửi qua đường bưu điện thì phải đảm bảo nơi tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển tiếp nhận được Phiếu trong thời gian quy định. Quá thời hạn nêu trên, Sở GDĐT tỉnh Vĩnh Long không nhận Phiếu đăng ký dự tuyển với bất kỳ lý do nào.

2. Địa điểm tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện theo địa chỉ: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Long (Phòng Tổ chức - Cán bộ), ấp Long Thới, xã Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

(*Đính kèm Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức*).

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Các phòng CM, NV thuộc Sở GDĐT;
- Các đơn vị thuộc Sở GDĐT;
- UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Niêm yết tại bảng công khai Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TCCB.

